

Bản án số: 339/2026/DS-PT

Ngày: 16 - 4 - 2026

V/v tranh chấp "*Quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi.

Ông Đinh Chí Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "*Quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 269/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X- Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 773/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: A V, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (nay là: số A V, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.)

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Trần H, sinh năm 1988. (có mặt);

Địa chỉ: Số D, ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (nay là: Số D, khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.)

2. **Bị đơn:** Ông Trương Văn S, sinh năm 1968.

Địa chỉ: V, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là: số A V, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị H1, sinh năm: 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trương Thị H2, sinh năm 1952. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1991. (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Hồng M, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A V, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: 4 đường số I, khu phố A, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: H đường L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bùi Thị Mộng T1, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: đường V, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Võ Thị H1, sinh năm: 1955. (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Trương Tấn V, sinh năm 1997; (vắng mặt)

- Chị Trương Thị Quỳnh G, sinh năm 2002; (vắng mặt)

- Anh Đinh Thanh D, sinh năm 1980; (vắng mặt) Cùng địa chỉ: V, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Trương Thị T2, sinh năm 1962; (có mặt)

Cùng địa chỉ: V, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà T2: Bà Võ Thị H1, sinh năm: 1955. (có mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trương Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Duy T và đại diện ủy quyền của ông T là anh Nguyễn Trần H trình bày:

Hiện ông T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.176m², loại đất lúa, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) huyện G cấp ngày 14/02/2003.

Nguồn gốc đất do vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Ở vào năm 1992, có con trai bà Ở là anh Lưu Văn B1 đại diện thỏa thuận và viết giấy tay đồng ý bán đất. Khi ông T mua đất có cán bộ nông nghiệp của xã đến đo đạc đất và có mặt ông M1, bà Ở xác định ranh nhưng khi đó hộ bà R không có mặt tại địa phương nên không có mặt xác định ranh; tuy nhiên, khi đó bên phía đất của hộ bà R là đất bờ kênh cao hơn nhiều so với mặt ruộng của phần đất mà bà Ở bán cho ông T. Đến năm 1997, hộ ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thuộc thửa số 1125, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.970m², loại đất lúa. Đến năm 2003, thửa đất số 1125 của hộ ông T được cấp đổi thành thửa số 252 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 như nêu trên.

Quá trình sử dụng đất, giữa ông T và hộ bà R không xảy ra tranh chấp ranh giới. Do thửa 252 là đất ruộng nên hộ ông T sử dụng để trồng lúa và có sử dụng phần đất tranh chấp để làm sòng bơm xả nước ra kênh S. Bên phía đất hộ bà R là đất bờ kênh cao có trồng một số cây tạp; thời gian sau, hộ bà R có thuê kobe cạp đất đi nên hiện trạng đất thấp như hiện nay và hộ bà R sử dụng để trồng dưa, sau khi bà R chết thì con trai bà R là ông S quản lý, sử dụng cho đến nay.

Tháng 9/2022, ông S có hành vi chửi bới và ngăn cản không cho ông T sử dụng phần đất có diện tích 8,5m² là hình tứ giác, có các cạnh gồm: dài 4,4m và 5,8m; rộng 2,2m và 2,5m; có vị trí:

- Đông giáp đất hộ bà Trương Thị R.
- Tây giáp kênh.
- Nam giáp đất của hộ Nguyễn Duy T.
- Bắc giáp kênh.

Đây là phần đất trước nay do ông T sử dụng làm sòng bơm nước; ông S đã lấn chiếm để sử dụng chứa những tàu dưa và ngăn không cho ông T bơm nước hay cấy lúa trên phần đất này nên hai bên phát sinh tranh chấp. Ông T gửi đơn đến UBND thị trấn T yêu cầu giải quyết tranh chấp ranh giới đất hai bên. Trước khi hòa giải, cán bộ địa chính của UBND thị trấn T có đến đất kiểm tra lại ranh giới đất hai bên và có mặt vợ chồng ông S cùng ông T chứng kiến. Khi hòa giải, ông S không tham gia mà có con gái của bà R là bà T2 tham gia. Kết quả hòa giải không thành do bà T2 không đồng ý trả đất lại cho ông T nên ông T khởi kiện.

Nay ông T yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực X– Đồng Tháp giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông S hoàn trả lại phần đất đã lấn chiếm với diện tích 8,5 m² thuộc thửa số 252 nêu trên.
2. Buộc ông S chấm dứt hành vi gây rối, cản trở ông T thực hiện quyền sử dụng và quản lý phần đất với diện tích 8,5m² nêu trên.

3. Buộc ông S di dời và dọn dẹp sạch sẽ tất cả tàu dứa ra khỏi phần đất lấn chiếm có diện tích 8,5m² nêu trên.

Đồng thời, buộc ông Sáu H3 lại cho ông T toàn bộ chi phí tổ tụng và chi phí đo đạc mà ông T đã thanh toán. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc ông S hoàn trả lại phần đất đã lấn chiếm với diện tích 8,5 m² thuộc thửa số 252. Bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Bị đơn ông Trương Văn S và đại diện ủy quyền của ông T là bà Võ Thị H1 trình bày:

Phần đất mà ông T tranh chấp là thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà R. Trước đây ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà O diện tích chỉ có 2000 m² nhưng sau này ông T được cấp đất với diện tích 2.176 m². Quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có mời bà R hoặc thành viên trong hộ bà R ký giáp ranh. Nay nếu ông T cho rằng phần đất tranh chấp trước đây là 8,5 m² là của ông T thì ông T phải đo đạc lại phần đất ngày xưa mua ở vị trí nào. Đối với chi phí đo đạc tự ông T tự yêu cầu đo chứ phía bên ông S không yêu cầu đo. Đối với thửa đất 1126 của bà R đây là thửa đất gốc của bà R nên diện tích có tăng là chuyện bình thường, đối với thửa đất của ông T mua của bà O là đất nhận chuyển nhượng nên không thể thay đổi diện tích theo hợp đồng mua bán đất. Nên nay với yêu cầu của ông T phía ông S không đồng ý vì phần đất này là của bà R. Phía bị đơn xác định phần đất 8,5 m² là đất gốc của hộ bà R nên bị đơn có quyền sử dụng muốn làm gì thì làm. Qua giải thích phía bị đơn không đồng ý làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất vì đây đã là đất gốc của bà R và cũng không yêu cầu đo đạc thẩm định, định giá lại phần đất tranh chấp. Hiện trạng đất tranh chấp từ trước đến hiện nay không có gì thay đổi. Ngoài ra, hiện nay phần đất này bà R đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ ông S không trọn quyền quyết định thửa đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các thành viên hộ ông Nguyễn Duy T gồm: bà Trương Thị H2, anh Nguyễn Duy K và chị Nguyễn Hồng N, chị Nguyễn Hồng M, anh Nguyễn Công B cùng trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra, không ai có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Mộng T1 và đại diện ủy quyền của bà T1 là bà Võ Thị H1 trình bày:

Bà T1 thống nhất với lời trình bày của bà H1. Xác định phần đất tranh chấp là của hộ bà R. Nay cũng không làm đơn tranh chấp, cũng không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T2 và đại diện ủy quyền của bà T2 là bà Võ Thị H1 trình bày:

Bà T2 thống nhất với lời trình bày của bà H1. Xác định phần đất tranh chấp là của hộ bà R. Nay cũng không làm đơn tranh chấp, cũng không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: anh Trương Tấn V, chị Trương Thị Quỳnh G, anh Đinh Thanh D xin vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 269/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X- Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 166, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 5 Điều 157, khoản 5 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T về việc: Buộc ông Trương Văn S có nghĩa vụ trả lại hộ ông Nguyễn Duy T quyền sử dụng phần đất đã lấn chiếm có diện tích 8,5 m² thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003 cho hộ Nguyễn Duy T.

2. Buộc ông Trương Văn S, bà Bùi Thị Mộng T1, bà Trương Thị Tuyết chám D1 hành vi cản trở quyền sử dụng đất và di dời tất cả tàu dứa, đất lấp trên mương thoát nước có diện tích 8,5m² thuộc thửa đất 252 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003 cho hộ ông Nguyễn Duy T. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 10 năm 2025, bị đơn ông Trương Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 269/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X- Đồng Tháp để cấp sơ thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Võ Thị H1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trương Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Anh Nguyễn Trần H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Duy T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn S còn trong thời hạn quy định theo Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H2, Nguyễn Duy K, Nguyễn Hồng M, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Công B, Trương Tấn V, Trương Thị Quỳnh G, Đinh Thanh D vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Về nguồn gốc đất và quá trình biến động quyền sử dụng đất: Thừa đất số 252, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.176m², loại đất lúa, có nguồn gốc đất do vợ chồng ông Nguyễn Duy T nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ bà Nguyễn Thị Ổ vào năm 1992 (BL296).

Đến năm 1997, hộ ông Nguyễn Duy T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.970m², loại đất lúa. Đến năm 2003, thửa đất số 1125 của hộ ông T được cấp đổi thành thửa số 252, tờ bản đồ số 10, diện tích 2.176m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003. Giáp ranh hướng Bắc và phần đất tranh chấp là Thửa đất số 1126, diện tích 670m², tờ bản đồ số 02, loại đất màu, do bà Trương Thị R đại diện hộ đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00097 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 21/5/1997 và hiện do ông Trương Văn S là con trai bà R đang quản lý, sử dụng sau khi bà R chết vào năm 2013.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 1125 của hộ ông Nguyễn Duy T vào năm 1997 có khảo sát và đo đạc thực tế bằng thước dây diện tích 1.970m²; Đến năm 2001 hộ ông T làm thủ tục cấp đổi giấy đất theo dự án đo đạc Vlap và được cấp đổi thành thửa số 252, diện tích 2.176,5m², thể hiện diện tích đất tăng 206,5m². Tuy nhiên qua đối chiếu hình thể, ranh giới và hiện trạng sử dụng quyền sử dụng đất không thay đổi.

Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2001 và T3 đo địa chính khu đất đề ngày 08/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G thì diện tích đo đạc thực tế theo ranh giới và vị trí do ông T xác định là 2.176m² (bao gồm phần đất hiện hai bên đang tranh chấp ở vị trí 1 có diện tích 8,5m² và phần đất không tranh chấp ở vị trí 2 có diện tích 2.167,5m²) phù hợp với ranh giới, diện tích, hình thể thửa đất số 252 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T. Trên cơ sở đối chiếu như trên cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp 8,5 m² nằm trọn trong thửa đất số 252 thuộc quyền quản lý sử dụng của hộ ông T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2025 (BL487) thể hiện hiện trạng phần đất tranh chấp 8,5 m² hiện nay bị đơn đã lấp đất và lá dứa vì cho rằng phần đất tranh chấp là của bà R nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T: Buộc ông Trương Văn S, bà Bùi Thị Mộng T1, bà Trương Thị Tuyết chấm D1 hành vi cản trở quyền sử dụng đất và di dời tất cả tàu dứa, đất lấp trên mương thoát nước có diện tích 8,5m² thuộc thửa đất 252 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003 cho hộ ông Nguyễn Duy T là có căn cứ.

[4] Xét thấy, từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Trương Văn S kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới ngoài những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 269/2025/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực X- Đồng Tháp

- Các Điều 166, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 5 Điều 157, khoản 5 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T về việc: Buộc ông Trương Văn S có nghĩa vụ trả lại hộ ông Nguyễn Duy T quyền sử dụng phần đất đã lấn chiếm có diện tích 8,5 m² thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003 cho hộ Nguyễn Duy T.

2. Buộc ông Trương Văn S, bà Bùi Thị Mộng T1, bà Trương Thị Tuyết Chấm D1 hành vi cản trở quyền sử dụng đất và di dời tất cả tàu dứa, đất lấp trên mương thoát nước có diện tích 8,5m² thuộc thửa đất 252 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00907 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003 cho hộ ông Nguyễn Duy T. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Duy T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền 8.320.357 đồng (*Tám triệu ba trăm hai mươi nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà ông đã nộp là 8.320.357 đồng nên ông không phải nộp thêm.

4. Về án phí: Ông Trương Văn S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003875 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TAND Tối cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực X- Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực X- Đồng Tháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Võ Ngọc Hải